

SCIENTIFIC RESEARCH AMONG TRADITIONAL MEDICINE STUDENTS AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY: CURRENT STATUS, BARRIERS, AND PROPOSED SOLUTIONS

Le Minh Hoang¹, Duong Tuyet Ngan^{*2}

* Corresponding author
Email: dtngan@ctump.edu.vn

¹ Email: lmhoang@ctump.edu.vn

^{1,2} Can Tho University of Medicine and Pharmacy
179 Nguyen Van Cu street, Tan An ward,
Can Tho City, Vietnam

Received: 22/5/2025

Revised: 08/7/2025

Accepted: 12/8/2025

Published: 20/9/2025

Abstract: Traditional medicine plays a vital role in the healthcare system, contributing to the preservation and development of the nation's medical heritage. However, scientific research needs to be given top priority in order to guarantee its long-term growth and successful clinical application. In spite of this, there was little student participation in scientific research in Can Tho University of Medicine and Pharmacy's Traditional Medicine program between 2019 and 2024. Research on its present state, obstacles, and possible approaches to encourage research among these students has not been thoroughly evaluated. This study aimed to assess its present situation, identify key obstacles, and propose solutions to enhance student participation in scientific research. A standardized questionnaire with a 5-point Likert scale was used to conduct a cross-sectional survey with 596 students studying traditional medicine. Over 70% of pupils showed a great interest in scientific study, according to the data. However, with mean scores ranging from 3.03 to 3.73, a number of issues were found at the individual and institutional levels. In order to overcome these obstacles, the study emphasizes the necessity of focused interventions. The findings offer a useful foundation for the creation of suitable and workable plans to encourage a more engaged and productive research culture among students studying Traditional Medicine in the near future.

Keywords: *Scientific research, traditional medicine students, current status, barriers, solutions.*

THỰC TRẠNG, RÀO CẢN VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Lê Minh Hoàng¹, Dương Tuyết Ngân^{*2}

* Tác giả liên hệ
Email: dtngan@ctump.edu.vn

¹ Email: lmhoang@ctump.edu.vn

^{1,2} Trường Đại học Y Dược Cần Thơ
179 Nguyễn Văn Cừ, phường Tân An,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Nhận bài: 22/5/2025

Chỉnh sửa xong: 08/7/2025

Chấp nhận đăng: 12/8/2025

Xuất bản: 20/9/2025

Tóm tắt: Ngành Y học cổ truyền giữ vai trò quan trọng trong hệ thống y tế, góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị tinh hoa của y học dân tộc. Tuy nhiên, để lĩnh vực này phát triển bền vững, hoạt động nghiên cứu khoa học đóng vai trò then chốt. Thực trạng cho thấy, sinh viên ngành Y học cổ truyền tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ trong giai đoạn 2019 -2024 tham gia nghiên cứu khoa học còn hạn chế. Hiện chưa có nghiên cứu nào đánh giá cụ thể về thực trạng, rào cản và giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động này. Do đó, nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát thực trạng, xác định rào cản và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Phương pháp nghiên cứu sử dụng bảng câu hỏi với thang đo Likert 5 điểm, khảo sát 596 sinh viên. Kết quả cho thấy trên 70% sinh viên có hứng thú cao với hoạt động nghiên cứu khoa học, tuy nhiên còn gặp nhiều rào cản từ yếu tố cá nhân và hệ thống, với điểm trung bình dao động từ 3,03 đến 3,73. Kết quả nghiên cứu làm cơ sở để xây dựng các giải pháp thiết thực nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học cho sinh viên ngành Y học cổ truyền trong tương lai.

Từ khóa: *Nghiên cứu khoa học, sinh viên Y học cổ truyền, thực trạng, rào cản, giải pháp.*

1. Đặt vấn đề

Ngành Y học cổ truyền đóng vai trò quan trọng trong hệ thống y tế, góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị tinh hoa của nền y học dân tộc (Bộ Y tế, 2023). Tuy nhiên, để y học cổ truyền phát triển bền vững và được ứng dụng rộng rãi trong thực tiễn lâm sàng, việc nghiên cứu khoa học đóng vai trò then chốt, giúp minh chứng tính an toàn, hiệu quả của các phương pháp điều trị cũng như thúc đẩy sự kết hợp giữa y học cổ truyền và y học hiện đại. Theo kết luận số 86-KL/TW ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Bí thư Đảng nhấn mạnh việc phát triển nền Y học cổ truyền Việt Nam và Hội Đồng y Việt Nam trong giai đoạn mới. Nội dung tập trung vào việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và nhân dân về vai trò của Y học cổ truyền. Đồng thời, khuyến khích việc nghiên cứu, ứng dụng và phát triển Y học cổ truyền, kết hợp với Y học hiện đại để nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe nhân dân. Từ đó càng cho thấy nghiên cứu khoa học trong chuyên ngành Y học cổ truyền là xu hướng tất yếu trong tương lai đặc biệt là đối tượng sinh viên đang theo học ngành Y học cổ truyền (Bộ Y tế, 2023).

Nhiều nghiên cứu đã khẳng định rằng, việc tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học mang lại những lợi ích thiết thực cho sinh viên y khoa. Không chỉ giúp họ định hình rõ ràng hơn về định hướng chuyên ngành trong tương lai, quá trình này còn góp phần rèn luyện các kỹ năng thiết yếu như giao tiếp, kỹ năng đọc hiểu và viết học thuật cũng như khả năng tư duy phân tích và suy luận logic. Đặc biệt, những sinh viên được trang bị nền tảng nghiên cứu vững chắc ngay từ khi còn học đại học thường có khả năng tiếp cận nhanh chóng với các tri thức mới và vận dụng hiệu quả vào thực tiễn công việc sau khi

ra trường (Mokry và các cộng sự, 2007; Amin và các cộng sự, 2012; Burgoyne và các cộng sự, 2017).

Từ biểu đồ thống kê số lượng đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học khoa Y học cổ truyền, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ giai đoạn 2019 - 2024 tăng dần qua các năm (Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, 2024), tuy nhiên số lượng đề tài nghiên cứu khoa học còn khá hạn chế, cho thấy thực trạng tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên còn khá ít. Từ lý do đó, nghiên cứu được tiến hành với mục tiêu: tìm hiểu thực trạng, xác định rào cản và đề xuất các giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên Y học cổ truyền tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Nghiên cứu này không chỉ giúp nâng cao chất lượng đào tạo mà còn góp phần vào sự phát triển chung của các bác sĩ Y học cổ truyền, hướng tới một nền y học có cơ sở khoa học vững chắc và ứng dụng thực tiễn cao.

2. Phương pháp nghiên cứu

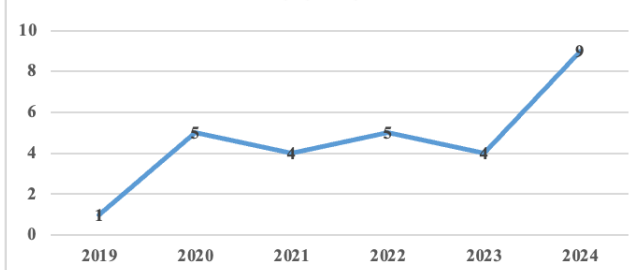
Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng nhằm thu thập thông tin từ phía sinh viên đang theo học ngành Y học cổ truyền tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về thực trạng và những rào cản của sinh viên khi tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học tại trường, cụ thể như sau: Chúng tôi đã gửi phiếu điều tra đến 596 sinh viên từ năm nhất đến năm sáu. Bảng hỏi trực tuyến được xây dựng và tiến hành khảo sát thông qua Google Forms. Bảng hỏi được chia làm 3 phần: Thông tin chung (sinh viên năm mấy, xếp loại); Thực trạng (các câu hỏi về hứng thú và mong muốn tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học), rào cản (rào cản cá nhân và rào cản hệ thống). Các câu hỏi về rào cản sử dụng thang điểm Likert-5 điểm mô tả mức độ ảnh hưởng của rào cản (1-Rất không đồng ý, 2-Không đồng ý, 3-Bình thường, 4-Đồng ý, 5-Rất đồng ý). Dữ liệu thu thập được từ bảng hỏi được xử lý và phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả nhằm xác định tỉ lệ, tần suất và phân tích tương quan giữa các thông tin cơ bản với điểm thái độ và rào cản được thực hiện bằng phần mềm SPSS phiên bản 27.0.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu

Để tìm hiểu rõ hơn về những thực trạng và rào cản của nghiên cứu khoa học đến sinh viên Y học cổ truyền, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 596 sinh viên ngành Y học cổ truyền chính quy năm học 2024 - 2025 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, cụ thể như sau:

Số lượng đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học của khoa Y học cổ truyền giai đoạn 2019 -2024



Biểu đồ 1: Biểu đồ thống kê số lượng đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học của khoa Y học cổ truyền giai đoạn 2019 - 2024

Bảng 1: Thông tin chung của sinh viên Y học cổ truyền tham gia khảo sát (N= 596)

Thông tin chung	Nam (N=205)	Nữ (N=391)	Tổng cộng (N=596)
Số lượng (%)			
Năm học			
Năm 1	43 (21)	83 (21,2)	126 (21,1)
Năm 2	42 (20)	91 (23,3)	132 (22,1)
Năm 3	50 (24,4)	71 (18,2)	121 (20,3)
Năm 4	17 (8,3)	46 (11,8)	63 (10,6)
Năm 5	23 (11,2)	56 (14,3)	79 (13,3)
Năm 6	31 (15,1)	44 (11,3)	75 (12,6)
Xếp loại			
Xuất sắc	13 (6,3)	44 (11,3)	57 (9,6)
Giỏi	48 (23,4)	142 (36,3)	190 (31,9)
Khá	97 (47,3)	134 (34,3)	231 (38,8)
Trung bình	37 (18)	56 (14,3)	93 (15,6)
Yếu	9 (4,4)	15 (3,8)	24 (4,0)
Kém	1 (0,5)	0 (0,0)	1 (0,2)

Từ kết quả Bảng 1 cho thấy đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu, có 596 sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ sáu ngành Y học cổ truyền tham gia khảo sát. Trong đó, có 205 sinh viên nam và 391 sinh viên nữ. Về xếp loại học tập của sinh viên tham gia nghiên cứu, sinh viên xếp loại Khá chiếm tỉ lệ cao nhất (38,8%) và Giỏi (31,9%), chiếm tỉ lệ thấp nhất là xếp loại Kém (0,2%).

3.2. Thực trạng tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên Y học cổ truyền

Từ kết quả khảo sát thực trạng tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Y học cổ truyền, cho thấy tỉ lệ hứng thú với hoạt động nghiên cứu khoa học (73,2%) và mong muốn thực hiện nghiên cứu khoa học (79,4%) của sinh viên Y học cổ truyền các khóa chiếm tỉ lệ cao, tỉ lệ đều trên 70%. Tuy nhiên, số lượng sinh viên tham gia các khóa học liên quan đến nghiên cứu khoa học (22,8%) và tham gia nghiên cứu/các hoạt động liên quan đến nghiên cứu khoa học (22,7%) chiếm tỉ lệ thấp, đều nhỏ hơn 30%. Có thể thấy, tỉ lệ hứng thú và muốn tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học chiếm tỉ lệ cao ở các sinh viên năm nhất và năm hai và giảm dần đến năm thứ sáu, chiếm tỉ lệ khá thấp (44%). Tỉ lệ tham gia các khóa học liên quan đến nghiên cứu khoa học tập trung ở sinh viên từ năm tư đến năm thứ sáu (39,7% - 34,7%). Tỉ lệ tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học tập trung ở sinh năm thứ tư và thứ năm (52,4% và 36,7%).

Bảng 2: Thực trạng tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên Y học cổ truyền (N= 596)

Thực trạng	Năm 1 (N=126)	Năm 2 (N=132)	Năm 3 (N=121)	Năm 4 (N=63)	Năm 5 (N=79)	Năm 6 (N=75)	Tổng (N=596)
Số lượng (%)							
Bạn có hứng thú với các hoạt động nghiên cứu khoa học không?							
Có	108 (85,7)	107 (81,1)	94 (77,7)	46 (73,0)	54 (68,4)	33 (44,0)	442 (74,2)
Không	18 (14,3)	25 (18,9)	27 (22,3)	17 (27,0)	25 (31,6)	42 (56,0)	154 (25,8)
Trong tương lai, bạn có muốn thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực mình quan tâm không?							
Có	107 (84,9)	118 (89,4)	96 (79,3)	57 (90,5)	56 (70,9)	39 (52,0)	473 (79,4)
Không	19 (15,1)	14 (10,6)	25 (20,7)	6 (9,5)	23 (29,1)	36 (48,0)	123 (20,6)
Bạn có tham gia các khóa học liên quan đến nghiên cứu khoa học không?							
Có	11 (8,7)	15 (11,4)	26 (21,5)	25 (39,7)	33 (41,8)	26 (34,7)	136 (22,8)
Không	115 (91,3)	117 (88,6)	95 (78,5)	38 (60,3)	46 (58,2)	49 (65,3)	460 (77,2)

Thực trạng	Năm 1 (N=126)	Năm 2 (N=132)	Năm 3 (N=121)	Năm 4 (N=63)	Năm 5 (N=79)	Năm 6 (N=75)	Tổng (N=596)
Số lượng (%)							
Bạn có tham gia nghiên cứu/các hoạt động nghiên cứu khoa học không?							
Có	18 (14,3)	16 (12,1)	17 (14,0)	33 (52,4)	29 (36,7)	22 (29,3)	135 (22,7)
Không	108 (85,7)	116 (87,9)	104(86,0)	30 (47,6)	50 (63,3)	53 (70,7)	461 (77,3)

Từ thực trạng này đối với sinh viên Y học cổ truyền, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cho thấy, sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai là đối tượng tiềm năng, dành nhiều sự quan tâm và có hứng thú cho các hoạt động nghiên cứu khoa học cũng như có nhiều thời gian để tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học hơn là sinh viên năm thứ năm và thứ sáu. Để giải quyết thực trạng này, cần tìm hiểu các rào cản của sinh viên khi tham gia nghiên cứu khoa học từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy và nâng cao tỉ lệ sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học.

3.3. Rào cản ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học

Từ kết quả nghiên cứu về rào cản cá nhân và hệ thống ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Y học cổ truyền, cho thấy điểm trung bình mức rào cản đều > 3 (Bình thường -

Đồng ý). Do đó, nhóm nhiên cứu tiếp tục phân thành 3 nhóm để đánh giá mức độ của rào cản nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp. Mức 3,0-3,3 (Mức độ thấp); Mức 3,4-3,6 (Mức độ trung bình); Mức >3,6 (Mức độ cao).

Từ kết quả nghiên cứu điểm trung bình rào cản cá nhân ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học cho thấy, các rào cản cá nhân đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên có thể chia thành ba mức độ:

Mức độ cao: Các sinh viên đặc biệt từ năm nhất đến năm ba, gặp khó khăn lớn về kĩ năng nghiên cứu khoa học như tiếp cận tài liệu nước ngoài, trình bày đề cương, sử dụng phần mềm phân tích dữ liệu, viết và gửi bài báo khoa học, tìm kiếm tài liệu tham khảo và ý tưởng nghiên cứu. Đáng chú ý, thiếu hụt kinh nghiệm sử dụng phần mềm phân tích dữ liệu ($p = 0,006$) và khả năng tìm kiếm, đề xuất ý tưởng nghiên

Bảng 3: Điểm trung bình rào cản cá nhân ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học

Rào cản	Năm 1 (N=126)	Năm 2 (N=132)	Năm 3 (N=121)	Năm 4 (N=63)	Năm 5 (N=79)	Năm 6 (N=75)	Tổng	p
TB (95% CI*)								
Mức độ cao								
Khó khăn khi tiếp cận các tài liệu chuyên ngành tiếng nước ngoài (Anh/Trung)	3,78 (3,62 – 3,93)	3,76 (3,60 – 3,92)	3,79 (3,64 – 3,94)	3,83 (3,67 – 3,98)	3,61 (3,41 – 3,80)	3,53 (3,33 – 3,74)	3,73 (3,66 – 3,80)	0,058
Chưa quen với việc trình bày đề cương nghiên cứu	3,77 (3,62 – 3,92)	3,73 (3,58 – 3,89)	3,81 (3,66 – 3,96)	3,84 (3,65 – 4,03)	3,65 (3,45 – 3,84)	3,53 (3,34 – 3,73)	3,73 (3,66 – 3,80)	0,071
Thiếu kinh nghiệm trong sử dụng phần mềm phân tích dữ liệu	3,83 (3,68 – 3,98)	3,71 (3,56 – 3,87)	3,74 (3,60 – 3,89)	3,87 (3,68 – 4,06)	3,66 (3,46 – 3,85)	3,57 (3,38 – 3,77)	3,73 (3,67 – 3,80)	0,006*
Thiếu kĩ năng viết bài báo khoa học	3,79 (3,64 – 3,93)	3,71 (3,57 – 3,86)	3,81 (3,66 – 3,96)	3,84 (3,64 – 4,04)	3,63 (3,44 – 3,83)	3,56 (3,35 – 3,77)	3,73 (3,66 – 3,80)	0,15
Chưa quen với việc gửi bản thảo cho tạp chí để xét duyệt	3,78 (3,63 – 3,92)	3,71 (3,57 – 3,86)	3,79 (3,65 – 3,94)	3,87 (3,67 – 4,08)	3,54 (3,36 – 3,73)	3,55 (3,35 – 3,74)	3,72 (3,65 – 3,78)	0,60
Thiếu kinh nghiệm tìm kiếm tài liệu tham khảo	3,76 (3,61 – 3,92)	3,79 (3,64 – 3,94)	3,76 (3,61 – 3,91)	3,71 (3,55 – 3,88)	3,63 (3,44 – 3,83)	3,57 (3,38 – 3,77)	3,72 (3,65 – 3,79)	0,054

Rào cản	Năm 1 (N=126)	Năm 2 (N=132)	Năm 3 (N=121)	Năm 4 (N=63)	Năm 5 (N=79)	Năm 6 (N=75)	Tổng	p
TB (95% CI*)								
Khó khăn khi tìm kiếm chủ đề, ý tưởng nghiên cứu khoa học	3,64 (3,49 – 3,80)	3,69 (3,54 – 3,84)	3,83 (3,68 – 3,99)	3,73 (3,54 – 3,92)	3,67 (3,48 – 3,86)	3,55 (3,35 – 3,75)	3,69 (3,62 – 3,76)	0,014*
Mức độ trung bình								
Quá tải chương trình học	3,34 (3,17 – 3,51)	3,39 (3,23 – 3,54)	3,83 (3,68 – 3,99)	3,78 (3,58 – 3,98)	3,52 (3,33 – 3,71)	3,60 (3,43 – 3,77)	3,55 (3,48 – 3,63)	<0,001*
Không đủ thời gian phân bổ cho nghiên cứu khoa học	3,41 (3,25 – 3,58)	3,42 (3,26 – 3,59)	3,74 (3,59 – 3,89)	3,78 (3,58 – 3,97)	3,52 (3,33 – 3,71)	3,60 (3,41 – 3,79)	3,56 (3,49 – 3,63)	0,025*
Khó khăn trong khi tiếp xúc với bệnh nhân hoặc các đối tượng nghiên cứu	3,65 (3,50 – 3,80)	3,66 (3,51 – 3,81)	3,62 (3,46 – 3,78)	3,59 (3,37 – 3,81)	3,42 (3,23 – 3,61)	3,43 (3,23 – 3,63)	3,58 (3,51 – 3,65)	0,066
Mức độ thấp								
Không nhận được đề nghị/ yêu cầu từ phía thầy cô/bạn bè	2,96 (2,79 – 3,13)	3,27 (3,11 – 3,44)	3,50 (3,32 – 3,67)	3,10 (2,87 – 3,32)	3,11 (2,92 – 3,31)	3,28 (3,07 – 3,49)	3,21 (3,14 – 3,29)	0,003*
Do mệt mỏi/lười biếng	2,64 (2,44 – 2,84)	2,77 (2,59 – 2,96)	3,30 (3,11 – 3,49)	3,32 (3,09 – 3,55)	3,06 (2,85 – 3,27)	3,41 (3,20 – 3,62)	3,03 (2,94 – 3,11)	<0,001*

(Chú thích: TB: Giá trị trung bình; 95%CI: Khoảng tin cậy 95%)

Bảng 4: Điểm trung bình rào cản hệ thống ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học

Rào cản	Năm 1 (N=126)	Năm 2 (N=132)	Năm 3 (N=121)	Năm 4 (N=63)	Năm 5 (N=79)	Năm 6 (N=75)	Tổng	p
TB (95% CI*)								
Mức độ trung bình								
Thiếu sự đào tạo/định hướng nghiên cứu	3,59 (3,43 – 3,74)	3,44 (3,27 – 3,60)	3,67 (3,51 – 3,82)	3,70 (3,50 – 3,89)	3,61 (3,42 – 3,80)	3,52 (3,31 – 3,73)	3,58 (3,51 – 3,65)	0,269
Tính khả thi của nghiên cứu	3,54 (3,39 – 3,69)	3,54 (3,38 – 3,70)	3,74 (3,58 – 3,89)	3,49 (3,30 – 3,69)	3,51 (3,32 – 3,69)	3,63 (3,44 – 3,81)	3,58 (3,51 – 3,65)	0,375
Hồ sơ, thủ tục liên quan phức tạp	3,52 (3,36 – 3,67)	3,40 (3,25 – 3,55)	3,64 (3,47 – 3,81)	3,59 (3,39 – 3,79)	3,51 (3,33 – 3,68)	3,60 (3,40 – 3,80)	3,53 (3,46 – 3,60)	0,101
Khó tìm được người hướng dẫn khoa học phù hợp	3,52 (3,36 – 3,67)	3,46 (3,31 – 3,62)	3,69 (3,52 – 3,85)	3,37 (3,17 – 3,56)	3,48 (3,31 – 3,66)	3,51 (3,31 – 3,71)	3,52 (3,45 – 3,59)	0,022*
Thiếu kinh phí	3,57 (3,42 – 3,72)	3,39 (3,23 – 3,56)	3,67 (3,51 – 3,83)	3,57 (3,38 – 3,76)	3,43 (3,24 – 3,62)	3,48 (3,27 – 3,69)	3,52 (3,45 – 3,59)	0,039*
Thiếu cơ sở vật chất/trang thiết bị	3,48 (3,33 – 3,63)	3,25 (3,08 – 3,42)	3,64 (3,48 – 3,80)	3,48 (3,30 – 3,66)	3,49 (3,31 – 3,67)	3,43 (3,23 – 3,63)	3,46 (3,39 – 3,53)	0,023*
Người hướng dẫn không dành đủ thời gian cho sinh viên	3,21 (3,05 – 3,38)	3,18 (3,02 – 3,34)	3,45 (3,27 – 3,63)	3,38 (3,16 – 3,60)	3,30 (3,11 – 3,49)	3,49 (3,28 – 3,71)	3,42 (3,25 – 3,40)	0,193

(Chú thích: TB: Giá trị trung bình; 95%CI: Khoảng tin cậy 95%)

cứu ($p = 0,014$) là những rào cản có ý nghĩa thống kê, cho thấy sinh viên chưa được trang bị đầy đủ năng lực nghiên cứu cơ bản.

Mức độ trung bình: Rào cản ở mức này chủ yếu liên quan đến áp lực học tập và đặc thù ngành Y Dược. Sinh viên cảm thấy quá tải chương trình học, không đủ thời gian phân bổ cho nghiên cứu khoa học, và khó khăn khi tiếp xúc với bệnh nhân/đối tượng nghiên cứu. Quá trình nghiên cứu dài, phức tạp ($p < 0,001$) và không đủ thời gian cho đào tạo nâng cao năng lực ($p = 0,025$) là những yếu tố có ý nghĩa thống kê, phản ánh thực trạng sinh viên Y Dược bị hạn chế về thời gian và gặp rào cản đạo đức, quản lý khi tiếp cận mẫu nghiên cứu.

Mức độ thấp: Các rào cản này mang tính chủ quan từ phía sinh viên như mệt mỏi/lười biếng và thiếu sự động viên, yêu cầu từ thầy cô/bạn bè. Dù ở mức độ thấp nhưng thiếu động viên, khuyến khích từ giảng viên và bạn bè ($p = 0,003$) cùng với các lí do cá nhân (mệt mỏi, lười biếng) ($p < 0,001$) vẫn là những yếu tố có ý nghĩa thống kê, cần được giải quyết để thúc đẩy sự tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên Y học cổ truyền.

Từ kết quả của Bảng 4 cho thấy, tất cả các rào cản hệ thống ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đều ở mức độ trung bình (điểm trung bình dao động từ 3,42 - 3,58). Các rào cản hệ thống có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) cho thấy những hạn chế từ cấp độ tổ chức và môi trường ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên:

Thiếu nguồn lực con người: Rào cản đáng kể nhất là khó tìm được người hướng dẫn khoa học phù hợp ($p = 0,022$). Điều này chỉ ra rằng hệ thống chưa đáp ứng đủ nhu cầu về hướng dẫn, hoặc chất lượng và sự phù hợp của người hướng dẫn còn là một vấn đề.

Thiếu kinh phí nghiên cứu: Việc thiếu kinh phí ($p = 0,039$) là một rào cản hệ thống quan trọng. Hạn chế về tài chính trực tiếp ảnh hưởng đến khả năng triển khai các ý tưởng nghiên cứu, mua sắm vật liệu, thiết bị hoặc chi trả cho các hoạt động cần thiết khác.

Thiếu cơ sở vật chất/trang thiết bị: Sự thiếu hụt về cơ sở vật chất và trang thiết bị ($p = 0,023$) cũng là một yếu tố có ý nghĩa thống kê. Điều này cho thấy điều kiện hạ tầng chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực hành và thí nghiệm, làm hạn chế phạm vi và chất lượng của các đề tài nghiên cứu mà sinh viên có thể thực hiện. Những rào cản này không chỉ là vấn đề cá nhân mà còn đòi hỏi sự can thiệp từ cấp độ quản lý, tổ chức để cải thiện môi trường nghiên cứu cho sinh viên.

Qua quá trình lược khảo tài liệu nghiên cứu cho

thấy các nghiên cứu về thực trạng và rào cản của sinh viên khi tham gia nghiên cứu khoa học trong khối ngành Khoa học sức khỏe còn khá hạn chế, đặc biệt là chuyên ngành Y học cổ truyền. Khi so sánh kết quả nghiên cứu của chúng tôi với nghiên cứu của Trần Bảo Đại và cộng sự (2023) về “Thái độ và rào cản đối với việc thực hiện nghiên cứu khoa học của sinh viên Y đa khoa tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022” cho thấy sinh viên Y đa khoa năm ba có điểm thái độ đối với nghiên cứu khoa học cao nhất, sinh viên năm nhất có điểm thái độ thấp nhất (Nguyễn Bảo Đại và cộng sự, 2023). Kết quả này có sự khác biệt khi so sánh với sinh viên ngành Y học cổ truyền, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ khi thái độ của nhóm sinh viên năm nhất đến năm hai tích cực hơn các sinh viên năm cuối.

Khi so sánh nghiên cứu với nghiên cứu của Nguyễn Tuấn Kiệt và cộng sự (2019) đã tiến hành khảo sát 345 sinh viên thuộc các chuyên ngành của Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ nhằm phân tích thực trạng nghiên cứu khoa học. Kết quả khảo sát cho thấy nhiều sinh viên chưa biết đến hoạt động nghiên cứu khoa học đề tài cấp cơ sở ở các mức độ như sau: Có 14% sinh viên không biết đến hoạt động này, 81% sinh viên có nghe nhưng chưa tìm hiểu và 5% sinh viên có nghe và tìm hiểu. Kết quả khảo sát cho thấy, hoạt động nghiên cứu khoa học đề tài cấp cơ sở của sinh viên khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ về số lượng còn rất hạn chế (Nguyễn Tuấn Kiệt và cộng sự, 2019). Các rào cản tồn tại trong nghiên cứu này cũng tương tự nghiên cứu của chúng tôi bao gồm: những yếu tố từ đặc điểm cá nhân, các yếu tố trước khi thực hiện đề tài, trong khi thực hiện đề tài, cách phân bổ quỹ thời gian của sinh viên.

3.4. Giải pháp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Y học cổ truyền

Qua kết quả khảo sát về thực trạng và rào cản của sinh viên Y học cổ truyền, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ trong việc tham gia nghiên cứu khoa học, một số giải pháp được đề xuất nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Y học cổ truyền nói riêng và sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ nói chung.

3.4.1. Bổ sung kiến thức, bồi dưỡng kĩ năng nghiên cứu khoa học của sinh viên

Sinh viên cần phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự tìm tòi: Để có thể tham gia và hoàn thành các hoạt động nghiên cứu khoa học, mỗi sinh viên cần phải chủ động trong việc học tập, xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với năng lực và thời gian cá nhân.

Từ đó, xây dựng được kế hoạch nghiên cứu hợp lý, đồng thời cần chủ động tìm kiếm nhóm sinh viên phù hợp, việc xây dựng nhóm kết hợp với nhiều đối tượng sinh viên để có thể luân phiên thời gian cũng là một trong những giải pháp giải quyết vấn đề thời gian và lịch học, lịch thi đặc thù của khối ngành Khoa học sức khỏe. Bên cạnh đó, năng lực tìm tòi, tiếp cận các nghiên cứu trong nước và quốc tế là một năng lực vô cùng cần thiết cho sinh viên tất cả các ngành, đặc biệt là ngành Y Dược, tiếp cận với các nghiên cứu, kỹ thuật mới không chỉ phục vụ sinh viên trong quá trình thực hiện nghiên cứu khoa học mà còn phục vụ cho quá trình thực hành nghề nghiệp tương lai.

Sinh viên cần tăng cường trau dồi ngoại ngữ để tiếp cận các tài liệu chuyên ngành tiếng nước ngoài (Tiếng Anh/ Tiếng Trung): Do đặc thù chuyên ngành Y học cổ truyền, ngoài tài liệu tiếng Việt, tiếng Anh, còn rất nhiều tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Trung, dẫn đến khó khăn trong việc tiếp cận của sinh viên. Điều đó càng thúc đẩy việc sinh viên Y học cổ truyền cần tăng cường trau dồi ngoại ngữ cả tiếng Anh và tiếng Trung, qua việc tham gia các lớp bồi dưỡng tiếng Anh, tiếng Trung trong trường cũng như ngoài trường, tham gia sinh hoạt tại các Câu lạc bộ tiếng Anh, tiếng Trung chuyên ngành. Đồng thời, sự phát triển của internet hiện nay cũng rất dễ dàng cho sinh viên tiếp cận với các nguồn tài liệu tự học tiếng Anh, tiếng Trung uy tín. Các công cụ dịch thuật hỗ trợ vô cùng phát triển có thể kể đến như: Google dịch, ChatGPT,...

Sinh viên cần tăng cường tham gia các hội thảo chuyên đề phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học: Hiện nay, các trường đại học nói chung, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đều tăng cường tổ chức các hội thảo chuyên đề khoa học với các chuyên gia uy tín trong nước cũng như ngoài nước để nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học trong cả giảng viên và sinh viên như: Cách tìm kiếm tài liệu tham khảo chuyên ngành phù hợp và uy tín, cách trình bày đề cương nghiên cứu khoa học, cách trình bày bài báo khoa học trong nước và quốc tế, cách nộp bài và trả lời phản biện khi xét duyệt bài báo khoa học, cách sử dụng các phần mềm thống kê áp dụng vào nghiên cứu khoa học

3.4.2. Tăng cường hỗ trợ và định hướng nghiên cứu từ giảng viên

Giảng viên cần tăng cường áp dụng các phương pháp dạy học giúp phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên: Trong quá trình giảng dạy các học phần có liên quan, giảng viên cần vận dụng phương pháp dạy học từ đó giúp sinh viên hình thành và

phát triển các năng lực như nêu giả thuyết, tìm kiếm ý tưởng nghiên cứu, thiết kế phương pháp nghiên cứu, cách tiến hành nghiên cứu, thu thập, phân tích kết quả nghiên cứu để rút ra kết luận khoa học có ý nghĩa thực tiễn. Trong quá trình giảng dạy các học phần, bên cạnh dạy học kiến thức, kỹ năng cơ bản giảng viên có thể khéo léo lồng ghép các bất cập, khó khăn hoặc những vấn đề trong thực tiễn của chuyên ngành cần nghiên cứu giải quyết, từ đó khơi dậy năng lực tìm tòi, khả năng tư duy và đam mê, sự yêu thích nghiên cứu trong sinh viên.

Giảng viên cần tăng cường lượng giá các học phần để phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học: Giao các chuyên đề nghiên cứu vừa sức và phù hợp với chuyên ngành Y học cổ truyền, hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập môn học, báo cáo chuyên đề. Các bài tập lớn này sẽ tạo cơ hội để sinh viên củng cố kiến thức, tăng cường kỹ năng, nâng cao khả năng suy nghĩ cũng như tiếp cận những kiến thức mới. Trong đó, giảng viên cần chú ý đến việc xây dựng các tiêu chí để đánh giá các chuyên đề lớn đã giao cho sinh viên như: Kiến thức chứa trong bài tập lớn phải đảm bảo được độ rộng về kiến thức, khả năng hiểu sâu về kiến thức; Khả năng áp dụng kiến thức vào thực tế; Cập nhật những hướng dẫn Y khoa và các nghiên cứu mới; tăng cường kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và trình bày báo cáo; Ý thức trong công việc được đánh giá qua thời gian hoàn thành theo đúng thời gian quy định và độ trung thực khi thực hiện bài tập lớn.

3.4.3. Khuyến khích và tạo điều kiện cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học từ nhà trường

Nhà trường tạo cơ hội và kết nối sinh viên với các hoạt động nghiên cứu khoa học: Tạo điều kiện cho sinh viên Y học cổ truyền tiếp cận với các chuyên gia nghiên cứu trong và ngoài nước, các địa điểm thực hành lâm sàng, tham gia các hội thảo khoa học và các chương trình đào tạo nghiên cứu chuyên nghiệp, tổ chức các hoạt động trao đổi sinh viên giữa các trường trong và ngoài nước nhằm tăng cơ hội học tập, tiếp cận các điều kiện nghiên cứu hiện đại. Đồng thời, cần xây dựng cộng đồng nghiên cứu cho sinh viên Y học cổ truyền, hỗ trợ chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi kiến thức để nâng cao nhận thức, giải đáp các thắc mắc của sinh viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học; Kết hợp với Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên nhà trường để thành lập các câu lạc bộ nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao nhận thức và cho thấy tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học.

Nhà trường cần có những chính sách và định hướng cụ

thể để phát triển nghiên cứu khoa học: Cần tăng cường cải tiến quy trình, thủ tục phức tạp liên quan đến hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên khi tham gia nghiên cứu. Cần tăng cường kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học cho sinh viên qua việc tăng nguồn kinh phí cho các đề tài của sinh viên, học viên, xây dựng và ban hành các quy chế về giải thưởng nghiên cứu khoa học trong sinh viên, giúp sinh viên thấy rõ các quyền lợi và tăng động lực khi tham gia nghiên cứu khoa học. Khoa và Trường cần phối hợp tìm kiếm nguồn lực phù hợp về kinh tế hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình nghiên cứu cũng như công nhận đưa sản phẩm vào thực tế; Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu của sinh viên ngành Y học cổ truyền cơ sở vật chất cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

Tài liệu tham khảo

- Amin, T. T., Kaliyadan, F., Al Qattan, E. A., Al Majed, M. H., Al Khanjaf, H. S., & Mirza, M. (2012). Knowledge, attitudes and barriers related to participation of medical students in research in three Arab Universities. *Educ Med J*, 4(1), 47-55.
- Bộ Y tế. (2023). *Kết luận số 86-KL/TW về phát triển nền y học cổ truyền Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong giai đoạn mới*. Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. <https://moh.gov.vn>.
- Burgoyne, L. N., O'Flynn, S., & Boylan, G. B. (2010). Undergraduate medical research: the student perspective. *Medical education online*, 15(1), 5212.
- Likert, R. (1932). A technique for the measurement of attitudes. *Archives of Psychology*.
- Mokry, J., & Mokra, D. (2007). Opinions of medical students on the pre-graduate scientific activities-how to improve the situation? *Biomedical Papers of the Medical Faculty of Palacky University in Olomouc*, 151(1).
- Memarpour, M., Fard, A. P., & Ghasemi, R. (2015). Evaluation of attitude to, knowledge of and barriers toward research among medical science students. *Asia Pacific family medicine*, 14, 1-7.
- Nguyễn Tuấn Kiệt, Trần Thị Thu Thảo và Võ Ngọc Bảo Trân. (2019). Thực trạng và giải pháp thúc đẩy hoạt động tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 55(5C): 117-125.
- Radi, R., Isleem, U., Al Omari, L., Alimoğlu, O., Ankarali, H., & Taha, H. (2018). Attitudes and barriers towards using complementary and alternative medicine among university students in Jordan. *Complementary therapies in medicine*, 41, 175-179.
- Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. (2024). *Danh mục đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học giai đoạn 2019–2024*. [https://www.ctump.edu.vn/\[nghien-cuu-khoa-hoc\]-de-tai-nghien-cuu-khoa-hoc_portal_0.html](https://www.ctump.edu.vn/[nghien-cuu-khoa-hoc]-de-tai-nghien-cuu-khoa-hoc_portal_0.html)
- Trần Bảo Đại, Nguyễn Hà Phúc Tâm, Nguyễn Văn Pol, Nguyễn Kim Thuận. (2023). Thái độ và rào cản đối với việc thực hiện nghiên cứu khoa học của sinh viên Y đa khoa tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 531(1).
- Yohannan, D. G., Oommen, A. M., Umesan, K. G., Raveendran, V. L., Sreedhar, L. S. L., Anish, T. S. N., ... & Krishnapillai, R. (2019). Overcoming barriers in a traditional medical education system by the stepwise, evidence-based introduction of a modern learning technology. *Medical Science Educator*, 29, 803-817.

4. Kết luận

Từ kết quả khảo sát về thực trạng, rào cản và giải pháp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học trên 596 sinh viên ngành Y học cổ truyền, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cho thấy sinh viên ngành Y học cổ truyền có hứng thú rất cao với các hoạt động và tham gia nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố rào cản từ cá nhân và hệ thống nên số lượng đề tài cũng như tỉ lệ sinh viên Y học cổ truyền tham gia nghiên cứu khoa học còn thấp. Nghiên cứu này cung cấp những thực trạng, rào cản thực tế đối với sinh viên ngành Y học cổ truyền nói riêng và sinh viên khối Ngành sức khỏe nói chung, giúp tạo tiền đề để đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên ngày càng phát triển.